

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **46/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 25/11/2022

V/v: Hôn nhân gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lục Viết Sang;

2/ Ông Trần Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX- ST ngày 25 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Sỹ H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/5/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Lý Thị T) trình bày:

Anh và anh Đỗ Sỹ H cưới nhau có được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B(nay là thị trấn B) ngày 03/10/2011. Sau khi cưới chị về nhà anh H làm dâu ngay, ở chung với gia đình anh H. Tình cảm vợ chồng bình thường được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị phát hiện ra anh H nghiện ma túy, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Sau đó anh H đi sang Trung Quốc làm ăn, theo chị được biết là ở Phú Châu, Trung Quốc; anh H đã chung sống với một người phụ nữ khác đến nay là 7 năm, anh H

không về nên năm 2019 chị đã chuyển ra khỏi nhà anh H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ sống ly thân từ khi anh H đi sang Trung Quốc đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh H, vì vậy chị đã làm đơn xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa giải quyết để vợ chồng chị được ly hôn.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Khánh L, sinh ngày 12/7/2012 và Đỗ Quốc T, sinh ngày 26/6/2014, hiện nay các con chung của vợ chồng đang ở cùng chị và ông bà nội của các cháu, các cháu vẫn phát triển bình thường, nay ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của vợ chồng. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Đỗ Sỹ H): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh H vắng mặt. Địa phương cung cấp: Hiện nay anh H không có mặt tại địa phương. Theo thông tin Công an xã nắm được thì anh H đã đi làm ăn từ năm 2019 đến nay chưa về thăm nhà lần nào. Địa phương chỉ biết anh H đi làm ăn xa, còn anh H đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Bà Trần Thị Th là mẹ đẻ của anh Đỗ Sỹ H cung cấp: Anh H và chị T kết hôn có đăng ký tại UBND xã B ngày 03/10/2011. Sau khi kết hôn chị T về gia đình bà làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi sinh con được 10 tháng thì anh H, chị T để con ở nhà cho ông bà nội nuôi, còn chị T, anh H đi sang Trung Quốc làm ăn. Hai vợ chồng đi được khoảng 01 năm thì chị T bỏ về trước. Bà nghe nói nguyên nhân chị T bỏ về là do vợ chồng ghen tuông, chị T nghi ngờ anh H có người khác. Anh H vẫn tiếp tục ở lại Trung Quốc, hàng năm có về thăm nhà 1 đến 2 lần, vợ chồng vẫn tình cảm bình thường. Đến năm 2019 thì vợ chồng anh H, chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể bà không biết. Anh H đi làm ăn từ năm 2019 đến nay chưa về nhà lần nào, chỉ có buổi tối gọi điện về nhà nói chuyện với bà và các con. Các giấy tờ mà Tòa án gửi cho anh H bà đều nhận được, nhưng do chị T vẫn đi lại về ở tại nhà bà nên bà nghĩ vợ chồng chị T, anh H không ly hôn nên bà không nói chuyện này cho anh H biết. Anh H đi lao động ở Trung Quốc là đi theo đường tiểu ngạch, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H để cung cấp cho Tòa án. Nay chị T có đơn xin ly hôn, bà không muốn cho các con ly hôn nhưng đây là việc riêng của vợ chồng chị T nên bà không có ý kiến gì. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh H có 02 con chung là Đỗ Khánh L, sinh ngày 12/7/2012 và Đỗ Quốc T, sinh ngày 26/6/2014. Hiện 02 cháu đang ở với chị T và ông bà nội. Hai cháu ở với bà và do bà chăm sóc nuôi dưỡng từ bé do bố mẹ bận đi làm ăn. Nay chị T có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của bà là bà đã nuôi nấng, chăm sóc các cháu từ bé, bà không đồng ý tách 02 chị em, bà có nguyện vọng để bà nuôi hai cháu cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Sau đó các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu. Về tài sản, chung, công nợ chung, vợ chồng chị T, anh H không có tài sản chung hay công nợ chung gì.

Tòa án đã có công văn gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an đề nghị cung cấp thông tin về việc anh H xuất cảnh và nhập cảnh để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại Công văn số 178737/QLXNC-P5 ngày 25/8/2022 Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an trả lời: Anh Đỗ Sỹ H, sinh ngày 14/12/1991, CMND số 122150299 nêu trong công văn không có thông tin xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh . Do đó có căn cứ anh H chưa xuất cảnh ra nước ngoài lần nào, hiện nay vẫn ở trong nước. Tòa án đã làm thủ tục nhấn tin trên Báo Công lý và Đài tiếng nói Việt Nam, thông báo cho anh H biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Lý Thị T và anh Đỗ Sỹ H, thông báo rõ ngày giờ anh H về Tòa án để giải quyết việc ly hôn, tuy nhiên anh H vẫn vắng mặt tại Tòa án theo thông báo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn anh Đỗ Sỹ H.

Về con chung: Giao chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của vợ chồng là cháu Đỗ Khánh L, sinh ngày 12/7/2012 và cháu Đỗ Quốc T, sinh ngày 26/6/2014. Anh Đỗ Sỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Đỗ Sỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008869 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2022 của chị Lý Thị T đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đỗ Sỹ H (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Vì vậy, xác định anh H cố tình giấu địa chỉ, lẩn tránh khai báo nhằm mục đích gây khó khăn cho chị T và Tòa án trong việc giải quyết ly hôn giữa chị T và anh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lý Thị T và anh Đỗ Sỹ H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2].2. *Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị T thấy rằng*: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết: Vợ chồng chị T, anh H từ khi kết hôn có thời gian ngắn chung sống hoà thuận. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn. Xuất phát từ việc chị T xác định anh H mắc nghiện ma túy và có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ với nhau, chị T đã chuyển ra khỏi nhà anh H từ năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân từ khi anh H đi làm ăn ở bên ngoài cho đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị T, địa phương và gia đình anh H xác định anh H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, tuy nhiên qua xác minh Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an trả lời anh H không có thông tin xuất nhập cảnh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh, nên xác định anh H hiện nay đang ở trong nước. Chị T có đơn xin ly hôn, anh H đã được Tòa án thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam, báo Công lý, triệu tập đến Tòa án để làm việc, nhưng anh H không đến làm việc theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến phản hồi gì. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị T cần được chấp nhận.

[2].3. *Về con chung*: Chị T, gia đình anh H và địa phương xác định vợ chồng chị T, anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Khánh L, sinh ngày 12/7/2012 và cháu Đỗ Quốc T, sinh ngày 26/6/2014. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị T và ông bà nội, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung của vợ chồng. Xét thấy cháu L và cháu T ở với mẹ và ông bà nội từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh T đi làm ăn ở bên ngoài và từ năm 2019 đến nay chưa về nhà nên hiện nay anh T không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Vì vậy, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là phù hợp, cho nên yêu cầu của chị T về việc nuôi con cần được chấp nhận.

[2].4. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[2].6. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn anh Đỗ Sỹ H.

Về con chung: Giao chị Lý Thị T trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu Đỗ Khánh L, sinh ngày 12/7/2012 và cháu Đỗ Quốc T, sinh ngày 26/6/2014. Anh Đỗ Sỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Đỗ Sỹ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008869 ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- UBND thị trấn B.
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn

